

Số: 189/2026/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 21 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Bảng giá tính lệ phí trước bạ và tỷ lệ phần trăm (%) chất lượng còn lại đối với nhà để tính lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 51/2025/NĐ-CP và Nghị định số 175/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 67/2025/TT-BTC;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 855/TTr-STC ngày 04 tháng 9 năm 2026 và Báo cáo số 754/BC-STC ngày 21 tháng 9 năm 2026.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Bảng giá tính lệ phí trước bạ và tỷ lệ phần trăm (%) chất lượng còn lại đối với nhà để tính lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định Bảng giá tính lệ phí trước bạ và tỷ lệ phần trăm (%) chất lượng còn lại đối với nhà để tính lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Cà Mau, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 175/2025/NĐ-CP và điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Người nộp lệ phí trước bạ.
- Cơ quan thuế.
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà và tỷ lệ phần trăm (%) chất lượng còn lại để làm cơ sở tính lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Cà Mau

1. Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại đối với nhà để tính lệ phí trước bạ.

a) Kê khai nộp lệ phí trước bạ lần đầu:

Đối với nhà có thời gian đã sử dụng dưới 05 năm: 100%.

Đối với nhà có thời gian đã sử dụng từ 05 năm trở lên thì áp dụng tỷ lệ phần trăm (%) chất lượng còn lại của nhà có thời gian đã sử dụng tương ứng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

b) Kê khai nộp lệ phí trước bạ từ lần thứ 02 trở đi.

Thời gian đã sử dụng	Nhà biệt thự (%)	Nhà loại I (%)	Nhà loại II và nhà có 02 hoặc nhiều tầng (%)	Nhà loại III (%)	Nhà loại IV (%)	Nhà sàn cao tầng (%)	Nhà loại V (%)
Dưới 5 năm	95	95	90	85	80	85	70
Từ 5 đến 10 năm	90	90	85	70	60	70	40
Trên 10 đến 20 năm	80	80	70	50	30	50	20
Trên 20 đến 35 năm	70	70	60	40	20	40	0
Trên 35 đến 50 năm	60	60	40	30	10	30	0
Trên 50 năm	40	40	20	10	0	10	0

c) Thời gian đã sử dụng của nhà được tính từ thời điểm (năm) xây dựng hoàn thành bàn giao nhà (hoặc đưa vào sử dụng) đến thời điểm kê khai, nộp lệ phí trước bạ nhà. Trường hợp hồ sơ không đủ căn cứ xác định được năm xây dựng hoàn thành và bàn giao nhà thì sẽ lấy theo năm mua nhà, năm nhận nhà, hoặc năm cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc phải xác định chất lượng còn lại của nhà tại thời điểm kê khai theo quy định của pháp luật hiện hành. Thời gian đã sử dụng của nhà được tính theo năm (đủ 12 tháng). Trong trường hợp thời gian đã sử dụng của nhà có tháng lẻ ít hơn hoặc bằng 06 tháng thì không tính phần tháng lẻ, trên 06 tháng được tính bằng 01 năm.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2026.

2. Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ và tỷ lệ phần trăm (%) chất lượng còn lại đối với nhà để tính lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu hết hiệu lực thi hành từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Những trường hợp đã nộp hồ sơ lệ phí trước bạ trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa ban hành thông báo thì áp dụng theo quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Xây dựng; Trưởng Thuế tỉnh Cà Mau; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Giao Giám đốc Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này theo quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát hiện tài sản đăng ký nộp lệ phí trước bạ là nhà nhưng chưa được quy định trong Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà tại Quyết định này hoặc đơn giá tại Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà quy định tại Quyết định này không còn phù hợp với giá thực tế xây dựng mới tại thời điểm kê khai nộp lệ phí trước bạ, Thuế tỉnh Cà Mau có trách nhiệm gửi văn bản đề xuất đến Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính;
- Cục KTVB & TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH (M20), M.A2082/9.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Văn Bi